

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ
MÃ SỐ: 62.38.01.07

Thừa Thiên Huế - 2016

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Số: 261/QĐ-DHL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo Tiến sĩ Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Căn cứ theo Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế tổ chức hoạt động đào tạo từ năm học 2015 – 2016;

Căn cứ Quyết định 1779/QĐ- BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Luật – Đại học Huế đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật Kinh tế;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng KHCN&MT – HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế, mã số 62.38.01.07;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông/bà: Trưởng phòng KHCN&MT - HTQT, Đào tạo – Công tác sinh viên, Tổ chức – Hành chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN-MT- HTQT, KT-ĐBCLGD.



Đoàn Đức Lương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ LUẬT
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chuyên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Luật Kinh tế
- + Tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành đào tạo: 62.38.01.07
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: Ba năm đối với NCS có bằng Thạc sĩ Luật, Bốn năm đối với NCS có bằng Cử nhân Luật.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
- + Tiếng Việt: Tiến sĩ Luật, chuyên ngành Luật Kinh tế
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Laws.

2. MỤC TIÊU

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm rèn luyện cho người học những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

*** Kiến thức**

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về lĩnh vực pháp luật kinh tế; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật thuộc lĩnh vực khoa học Luật Kinh tế; có kiến thức tổng hợp về pháp luật mà nền tảng là pháp luật dân sự và chuyên sâu về pháp luật kinh tế; có tư duy mới trong

tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết những vấn đề phức tạp phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

** Kỹ năng*

Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra được những giải pháp giải quyết vấn đề ; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia, quốc tế trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, áp dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có năng lực tổng hợp tri tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực pháp luật kinh tế ở quy mô khu vực và quốc tế;

Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu đúng và trao đổi học thuật lĩnh vực pháp luật kinh tế. Có khả năng viết, trình bày và tranh luận về lĩnh vực pháp luật kinh tế trong báo cáo khoa học, thể hiện quan điểm về lĩnh vực khoa học đó.

** Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế; có năng lực nghiên cứu và thực thi pháp luật ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Có năng lực và đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế ; có khả năng quyết định kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển ý thức, ý tưởng mới thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế;

- Có khả năng tự nghiên cứu, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kinh tế - xã hội, có khả năng phát hiện và đưa ra các sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

3.1. Điều kiện dự tuyển

Về văn bằng người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp với Luật Kinh tế hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành Luật Kinh tế;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Luật Kinh tế, Luật, Luật Quốc tế loại khá trở lên và có ít nhất 01(một) bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành Luật Kinh tế.

3.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Người tốt nghiệp đại học dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có thâm niên công tác trong lĩnh vực pháp luật hoặc có liên quan đến chương trình đào tạo được xem xét ưu tiên cộng điểm khi xét hồ sơ.

3.3. Yêu cầu ngoại ngữ

- Người có bằng đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh, tiếng Pháp không qua phiên dịch.

- Người có bằng đại học ngành tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

- Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 61 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 500 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc trong thời hạn 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp (tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do các cơ sở đào tạo được Đại học Huế công nhận trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

3.4. Bài luận

Có bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng về đề tài, lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo...

3.5. Thư giới thiệu

Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ Luật; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị Tiến sĩ ngành Luật và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh và trong đó có một nhà khoa học sẽ nhận làm người hướng dẫn luận án. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu; khả năng làm việc theo nhóm;

- Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn và những nhận xét khác;
- Mức độ ủng hộ giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh (không giới thiệu, giới thiệu, giới thiệu với sự ủng hộ cao).

Thư giới thiệu phải nằm trong phong bì dán kín có chữ ký giáp lai của người giới thiệu.

3.6. Công trình khoa học

Có ít nhất một bài báo về lĩnh vực Luật Kinh tế hoặc lĩnh vực có liên quan với chuyên ngành Luật Kinh tế đã đăng hoặc được nhận đăng trên các tạp chí khoa học nằm trong danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Đối với các bài báo nhận đăng phải được đăng trước khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Số tín chỉ tích lũy và yêu cầu

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế được thiết kế cho cả hai đối tượng là tốt nghiệp đại học Luật và tốt nghiệp thạc sĩ Luật.

Số tín chỉ (TC) là 90 TC đối với người tốt nghiệp thạc sỹ và 120 TC đối với người tốt nghiệp đại học, cụ thể như sau:

- Nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: Phải hoàn thành chương trình thạc sĩ Luật Kinh tế (trừ luận văn), sau đó tiếp tục chương trình như NCS có bằng thạc sĩ.

+ Các học phần trình độ tiến sĩ:	08/90 TC
+ Tiểu luận tổng quan:	04/90 TC
+ Khối kiến thức chuyên đề tiến sĩ:	04/90 TC
+ Nghiên cứu khoa học:	02/90 TC
+ Luận án:	72/90 TC

- Nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ:

+ Các học phần trình độ tiến sĩ:	08/90 TC
+ Tiểu luận tổng quan:	04/90 TC
+ Khối kiến thức chuyên đề tiến sĩ:	04/90 TC

+ Nghiên cứu khoa học: 02/90 TC

+ Luận án: 72/90 TC

- Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ Luật chuyên ngành gần phải bổ sung khối lượng kiến thức tối thiểu 10 TC, căn cứ vào bảng điểm thạc sĩ để quyết định các học phần bổ sung các học phần theo chương trình đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế.

4.2. Yêu cầu của các nội dung trong chương trình đào tạo

** Các học phần cao học và bổ sung kiến thức*

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ, các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (theo khoản 1 Điều 17 Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT).

Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Luật Kinh tế hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp trên 5 năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Nhà trường yêu cầu NCS học bổ sung các học phần cần thiết phù hợp với chuyên ngành Luật Kinh tế.

** Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan*

Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực pháp luật kinh tế. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 2 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 4 học phần với khối lượng học tập tương đương 8 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ.

Học phần ở trình độ tiến sĩ Luật Kinh tế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn đối với các chuyên ngành đào tạo (được quy định trong chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành).

Các chuyên đề tiến sĩ là khối lượng công việc nghiên cứu NCS liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

NCS phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng tương đương là 4 tin chỉ.

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi NCS có khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu lý do chọn đề tài, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết cũng như phương pháp nghiên cứu để giải quyết vấn đề mà luận án lựa chọn.

** Nghiên cứu khoa học và luận án*

Nghiên cứu khoa học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ Luật Kinh tế. Cho đến trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ, NCS phải có 01 công trình nghiên cứu được đăng trên tạp chí chuyên ngành (thuộc danh mục mà Hội đồng chức danh giáo sư ngành Luật) hoặc kỷ yếu hội thảo cấp trường trở lên (được xuất bản và lưu chiểu) có nội dung cập nhật liên quan và phù hợp với mục tiêu của đề tài luận án của NCS.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS phải phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, tuân thủ đúng các quy định về quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

4.3. Khung chương trình đào tạo

4.3.1. *Danh sách các học phần bổ sung kiến thức cho các nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ*

Bảng 4.1. Danh sách các học phần bổ sung kiến thức cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
A	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		
I	* Học phần cơ sở ngành bắt buộc		10
1.	BS.LKT.1013	Luật Thương mại chuyên sâu	3
2.	BS.LKT.1023	Luật Dân sự chuyên sâu	3
3.	BS.LKT.1022	Pháp luật lao động chuyên sâu	2
4.	BS.LKT.2012	Quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế	2

II	* Học phần cơ sở ngành tự chọn (Chọn 2/4 học phần)		4
5.	BS.LKT.2022	Pháp luật tài chính công	2
6.	BS.LKT.1032	Giải quyết tranh chấp thương mại	2
7.	BS.LKT.2032	Pháp luật mua bán hàng hóa quốc tế	2
8.	BS.LKT.2042	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong kinh doanh	2
B	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		
I	* Phần kiến thức bắt buộc		8
9.	BS.LKT.2052	Pháp luật hợp đồng trong kinh doanh	2
11.	BS.LKT.2072	Pháp luật cạnh tranh chuyên sâu	2
12.	BS.LKT.3012	Pháp luật về giao dịch bảo đảm trong kinh doanh	2
13.	BS.LKT.2082	Pháp luật về kinh doanh ngân hàng	2
II	* Kiến thức tự chọn (chọn 4/10 học phần)		8
14.	BS.LKT.3042	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2
15.	BS.LKT.2092	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2
16.	BS.LKT.3072	Pháp luật thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư	2
17.	BS.LKT.3082	Đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại quốc tế	2
18.	BS.LKT.3092	Pháp luật về thương mại điện tử	2
19.	BS.LKT.3112	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2
20.	BS.LKT.3142	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	2
21.	BS.LKT.3152	Giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án (Alternative Dispute Resolution)	2
22.	BS.LKT.3172	Pháp luật quản lý thuế	2
23.	BS.LKT.3173	Pháp luật giải quyết tranh chấp đất đai chuyên sâu	2
		Tổng cộng	30

4.3.2. Danh sách các học phần đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ

Danh mục chuyên ngành gần:

Stt	Ngành	Chuyên ngành
01	Thạc sĩ Luật	Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Lý luận lịch sử nhà nước và pháp luật; Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự; Luật Dân sự; Tội phạm và điều tra tội phạm.

Danh sách các học phần bổ sung kiến thức cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
1.	BS.LKT.1013	Luật Thương mại chuyên sâu	3
2.	BS.LKT.1023	Luật Dân sự chuyên sâu	3
3.	BS.LKT.1022	Pháp luật lao động chuyên sâu	2
4.	BS.LKT.1032	Giải quyết tranh chấp thương mại	2
5.	BS.LKT.2042	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong kinh doanh	2
6.	BS.LKT.2052	Pháp luật hợp đồng trong kinh doanh	2
7.	BS.LKT.2062	Pháp luật về quản trị công ty	2
8.	BS.LKT.2072	Pháp luật cạnh tranh chuyên sâu	2
9.	BS.LKT.3012	Pháp luật về giao dịch bảo đảm trong kinh doanh	2
10.	BS.LKT.2082	Pháp luật về kinh doanh ngân hàng	2
11.	BS.LKT.2092	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2
12.	BS.LKT.3173	Pháp luật giải quyết tranh chấp đất đai	2
		Tổng cộng	26

Học phần tự chọn này tối thiểu là 10 tín chỉ, việc lựa chọn các học phần căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ để xem xét quyết định các học phần tự chọn cho phù hợp để tài nghiên cứu.

4.3.3. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ, chuyên đề tổng quan

Bảng 4.3. Danh sách các học phần trình độ tiến sĩ

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN, TL
B	Các học phần trình độ tiến sĩ		8 TC		
I	Các học phần bắt buộc		6 TC		
TS BB 01	01	Phương pháp nghiên cứu khoa học Luật chuyên sâu.	2	1,5	0,5
TS BB 02	02	Pháp luật kinh doanh Việt Nam – Những vấn đề cấp bách.	4	1,5	0,5
II	Các học phần tự chọn		2 TC (NCS chọn 1/4 học phần)		
TS.TC 03	01	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	2	1,5	0,5
TS.TC 04	02	Pháp luật dịch vụ tài chính	2	1,5	0,5
TS.TC 05	03	Quyền cổ đông thiểu số trong mua bán, sáp nhập công ty	2	1,5	0,5
TS.TC 06	04	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán	2	1,5	0,5
III	Các chuyên đề bắt buộc		4 TC		
CD. TS 01	05	Chuyên đề 1	2		0,5
CD.TS 02	06	Chuyên đề 2	2	2,5	0,5
IV	Chuyên đề bài tiểu luận tổng quan		4 TC		
V	Nghiên cứu khoa học		2 TC		
VI	Luận án		72 TC		
Tổng cộng:			90		

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ

Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, được trình bày ở bảng trên. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 08 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ, bao gồm 02 học phần bắt buộc và 01 học phần tự chọn. Đánh giá theo thang điểm 10, điểm đạt yêu cầu là 05 điểm.

- Các chuyên đề tiến sĩ

Đòi hỏi nghiên cứu sinh phải tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 4 tín chỉ.

Các chuyên đề bắt buộc tùy thuộc vào đề tài luận án, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và bộ môn chuyên môn có thể xác định các chuyên đề tiến sĩ và yêu cầu nghiên cứu sinh nghiên cứu để phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

Phương pháp đánh giá: Nghiên cứu sinh phải bảo vệ các chuyên đề tiến sĩ trước Tiểu ban chấm chuyên đề bởi Hội đồng khoa học cấp trường (được thành lập đối với từng chuyên đề). Hội đồng đánh giá, chấm điểm theo thang điểm 10. Điểm chuyên đề tiến sĩ là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt. Điểm đạt yêu cầu là 5 điểm.

- Bài tiểu luận tổng quan

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Bố cục bài tiểu luận gồm 04 phần:

Phần 1: Tầm quan trọng của vấn đề nghiên cứu

Phần 2: Đánh giá các nghiên cứu ngoài nước

Phần 3: Đánh giá các nghiên cứu trong nước

Phần 4: Các vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Phương pháp đánh giá: Nghiên cứu sinh trình bày tiểu luận tổng quan trước hội đồng. Hội đồng đánh giá, chấm điểm theo thang điểm 10. Điểm kết luận là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng có mặt. Điểm đạt yêu cầu là điểm 05 điểm.

- Nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu sinh có nhiệm vụ tham gia và báo cáo các kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu khoa học của

nghiên cứu sinh phải được đăng tải trong ít nhất 01 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành được quy định bởi Hội đồng chức danh của ngành hoặc tương đương.

- Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, có đóng góp về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với một ngành khoa học hoặc thực tiễn xã hội.

Luận án tiến sĩ có khối lượng khoảng 100 - 130 trang A4, trong đó trên 50% là trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận riêng của nghiên cứu sinh.

Luận án có thể viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

4.4. Kế hoạch đào tạo

Bảng 4.4. Kế hoạch đào tạo trình độ tiến sĩ

THỜI GIAN	CÔNG VIỆC
1. Kế hoạch chung	
Từ tháng thứ nhất đến tháng thứ 24	<p>1. <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Học các học phần cùng với khóa đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế của trường (trừ Luận văn thạc sĩ) 30 tín chỉ, trong vòng 1,5 năm. Với 03 học kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học kỳ 1: 10 TC- Học kỳ 2: 10 TC- Học kỳ 3: 10 TC <p>2. <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Học các học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình đào tạo tiến sĩ (STC), viết và bảo vệ tiểu luận tổng quan và 2 chuyên đề bắt buộc; đăng ít nhất 01 bài báo để công bố các kết quả nghiên cứu.</p> <p>3. <i>Đối với thạc sĩ chuyên ngành khác:</i> Cần phải học các học phần kiến thức bổ sung trên cơ sở đối chiếu bảng điểm tốt nghiệp còn thiếu theo chương trình đào tạo thạc sĩ Luật kinh tế của trường Đại học Luật - Đại học Huế.</p>

		<p>1. <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Học các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ (8TC), viết và bảo vệ tiểu luận tổng quan và 2 chuyên đề bắt buộc; đăng ít nhất 01 bài báo để công bố các kết quả nghiên cứu; đăng ít nhất 01 bài báo khoa học để công bố kết quả nghiên cứu.</p> <p>2. <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Hoàn thành luận án, đăng thêm ít nhất 01 bài báo về đề tài luận án, tổ chức hội thảo khoa học cấp bộ môn về đề tài, bảo vệ luận án cấp trường và hoàn thiện nộp hồ sơ luận án để phân biệt độc lập.</p>
	Từ tháng thứ 24 đến tháng thứ 36	<p>1. <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Hoàn thành luận án, đăng thêm ít nhất 01 bài báo về đề tài luận án, tổ chức hội thảo khoa học cấp bộ môn về đề tài, bảo vệ luận án cấp trường và hoàn thiện nộp hồ sơ luận án để phân biệt độc lập.</p>
	Từ tháng 37 đến tháng thứ 48	<p><i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Hoàn thành luận án, đăng thêm ít nhất 01 bài báo về đề tài luận án, tổ chức hội thảo khoa học cấp bộ môn về đề tài, bảo vệ luận án cấp trường và hoàn thiện nộp hồ sơ luận án để phân biệt độc lập.</p>
	03 tháng/một lần	<p>Báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu cho Phòng quản lý và Trường khoa chuyên môn.</p> <p>Tham gia các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy theo sự phân công của Trường khoa chuyên môn.</p>
2. Kế hoạch hàng năm		
Năm thứ nhất	Hai tháng đầu khóa học	<p>- <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Xem thời khóa biểu và tham gia học các học phần thạc sĩ.</p> <p>- <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Lập kế hoạch nghiên cứu cá nhân toàn khóa (có sự đồng ý của Giáo viên hướng dẫn) nộp cho Phòng quản lý Sau đại học và Trường khoa chuyên môn.</p>
	Sáu tháng đầu khóa học	<p>- <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Chính sửa lại đề cương nghiên cứu (theo góp ý của Hội đồng chấm đề cương) và viết đề cương chi tiết.</p> <p>- Học các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo.</p>
	Từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12	<p>- <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Viết và bảo vệ tiểu luận tổng quan.</p>
Năm	Từ tháng thứ	<p>- <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ</i>: Viết và bảo vệ chuyên đề</p>

thứ hai	13 đến tháng thứ 24	tiên sĩ 1, 2; nghiên cứu khoa học và đăng ít nhất 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành.
Năm thứ ba	Từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30	- <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Học các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo; viết và bảo vệ tiểu luận tổng quan. - <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Nộp bản thảo luận án cho Giáo viên hướng dẫn; chỉnh sửa luận án, nộp và bảo vệ trước Hội đồng cấp trường.
	Từ tháng thứ 31 đến tháng thứ 36	- <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Viết và bảo vệ chuyên đề tiên sĩ 1, 2; nghiên cứu khoa học và đăng ít nhất 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành. - <i>NCS đã tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Chỉnh sửa luận án, nộp cho DH Huế để gửi phản biện độc lập và bảo vệ cấp DH Huế.
Năm thứ tư	Từ tháng thứ 37 đến tháng thứ 43	- <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Nộp bản thảo luận án cho Giáo viên hướng dẫn; chỉnh sửa luận án và bảo vệ luận án cấp trường.
	Từ tháng thứ 44 đến tháng thứ 48	- <i>NCS chưa tốt nghiệp thạc sĩ:</i> Chỉnh sửa luận án theo Hội đồng, nộp và bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế.

5. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (kèm theo)



PGS.TS. Đoàn Đức Lương